

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-PT
Ngày 22-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Huỳnh Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Văn P**, sinh ngày 12/10/1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 11, đường Nguyễn Tri Phương, Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thanh L; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 23/01/2017 của Trưởng Công an thị trấn B đã xử phạt 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại Quyết định số 24/QĐ-XPHC ngày 22/5/2017 của Trưởng Công an thị trấn B đã xử phạt 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 23/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi không giao nộp công cụ hỗ trợ; nhân thân: tại Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 23/3/2018 của Trưởng Công an huyện B đã xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại Quyết định số 37/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2018 của Trưởng Công an xã A đã xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Văn Thật – Hội viên Hội luật gia tỉnh Bến Tre; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn P là đối tượng nghiện ma túy, P thường lên Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của một người đàn ông không rõ lai lịch đem về sử dụng và cho các con nghiện khác sử dụng.

Vào ngày 17/3/2018, Huỳnh Văn P mua 1.000.000 đồng ma túy đá đem về cất giấu tại nhà ở Khu phố 4, thị trấn B, huyện B. Đến trưa ngày 19/3/2018, Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/6/2000, nơi cư trú: ấp B, xã M, Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1986, nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, Nguyễn Hữu Hoàng K, sinh ngày 19/9/2000, nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, Nguyễn Quốc B, sinh ngày 03/8/2000, nơi cư trú: ấp K, xã N và Dương Thành Đ, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp G, xã P đến nhà của P. P lấy túi ma túy đá ra vừa phân thành các túi nhỏ, vừa lấy ma túy bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy cho các con nghiện sử dụng cùng với P thì bị lực lượng Cảnh sát bắt quả tang.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 01 túi ny lon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng có kích thước lần lượt 1,8cm x 1,6cm và 1,5cm x 0,3cm thu trên nền gạch phía dưới áo thun màu đỏ nâu được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 01; 01 túi ny lon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng có kích thước 02cm x 1,5cm được thu trong bao ny lon bọc bao thuốc lá bằng giấy hiệu Jet màu trắng được niêm phong trong phong bì lý hiệu số 02; 07 túi ny lon được hàn kín bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, kích thước lần lượt là 2,7cm x 1,8cm, 03cm x 1,7cm, 1,9cm x 1,7cm, 2,7cm x 1,8cm, 02cm x 02cm, 2,5cm x 2,2cm, 2,8cm x 02cm thu trên nền gạch dưới nệm ngủ được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 03 (phong bì số 03 sau đó được mở ra và niêm phong lại thành 2 phong bì, 4 túi được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 04 và 03 túi được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 05); 01 kéo bằng kim loại màu trắng dài 10cm; 01 cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen trên nắp có chữ Mouse Scale; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 vỏ chai nước bằng nhựa màu trắng loại chai nước Sting có nắp chai màu đỏ bằng nhựa, trên nắp chai có khoét hai lỗ, một lỗ được gắn ống nhựa màu trắng ở giữa đoạn có dạng xoắn, lỗ còn lại gắn một đoạn thủy tinh; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet bên trong có 6 điếu thuốc lá hiệu Jet; 01 áo thun nam cổ tròn tay ngắn màu đỏ nâu dài 57cm. Tất cả đều được thu trong phòng ngủ của Huỳnh Văn P;

- 01 kéo bằng kim loại màu trắng dài 10cm của Nguyễn Quốc B; 01 điện thoại hiệu Samsung màu vàng, số IMEI 1: 352700078603/01, số IMEI 2: 352701078603898/01 và 01 sim điện thoại 4G Viettel màu trắng có dãy số 898404800000971626 của Dương Thành Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng số IMEI: 353317/09/576976/7, IMEI: 353318/09/576976/5 của Nguyễn Minh Huân.

Tại bản kết luận giám định số 1373/C54B ngày 22/3/2018, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 01: tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói ny lon được niêm phong gửi

giám định là ma túy, có khối lượng 0,2922 gam, loại methamphetamine.

- Gói 02: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói ny lon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0790 gam, loại methamphetamine.

- Gói 04: tinh thể màu trắng đựng trong 04 gói ny lon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,5320 gam, loại methamphetamine.

- Gói 05: tinh thể màu trắng đựng trong 03 gói ny lon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,5852 gam, loại methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 17-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/8/2018, bị cáo Huỳnh Văn P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 02 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bị cáo có thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với đất nước, bị cáo có ông cố được nhà nước công nhận là Liệt sỹ nên cần chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Huỳnh Văn P cất giữ trái phép 1,4884 gam methamphetamine tại Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre nhằm mục đích sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo P là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho

xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đồng thời qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân thấy rằng bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và không giao nộp công cụ hỗ trợ chưa được xóa mà tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy; mặc khác sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử phạt vi phạm hành chính. Điều đó đã minh chứng rằng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Ngoài ra, bị cáo còn sử dụng địa điểm nhà riêng của mình tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của người bào chữa.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Huỳnh Văn P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn

kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn B (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn